SAO Y; SỞ TƯ PHÁP; Thời gian ký: 2026-10-29T15:14:49+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44 /2026/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 15 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định Chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 60/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 300/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;

Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 140/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

Xét Tờ trình số 1502/TTr-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số 475/BC-BVHXH ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2026.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đăng Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Hoàng Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2026/NQ-HĐND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030 được thực hiện đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thuộc các chức danh theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; học sinh, sinh viên; người lao động.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định danh mục các chuyên ngành cần thu hút, hỗ trợ đào tạo. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trường hợp người được thu hút có nhiều bằng cấp có trình độ chuyên môn đáp ứng vị trí việc làm thì chỉ được hưởng chính sách thu hút đối với bằng cấp cao nhất; trường hợp đủ điều kiện hưởng từ hai chính sách hỗ trợ đào tạo giống nhau trở lên thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất. Trường hợp một người đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của nhiều nhóm chính sách đãi ngộ hằng tháng giống nhau thì chỉ được hưởng một nhóm chính sách đãi ngộ hằng tháng có mức hưởng cao nhất bao gồm cả chính sách của Trung ương. Đối tượng đã được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo tại Quy định này thì không được hưởng chính sách thu hút.

3. Trường hợp không được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo tại Quy định này bao gồm: Cán bộ, công chức, viên chức tự đi đào tạo nâng cao trình độ hoặc đào tạo theo các chuyên ngành không thuộc danh mục Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; sinh viên là người Lào Cai đang trong thời gian được tỉnh cử đi đào tạo đại học theo chế độ cử tuyển; các đối tượng đang hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo từ các chính sách, chương trình, Đề án của các Bộ, ngành Trung ương, hưởng học bổng toàn phần từ nguồn tài trợ của chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế; các đối tượng đi đào tạo không thực hiện theo quy trình hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Người hưởng chính sách đãi ngộ phải giữ đúng vị trí việc làm theo quy định, thực hiện nhiệm vụ chuyên trách (không áp dụng đối với đối tượng thuộc Ban nghiên cứu, tư vấn chính sách của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được quy định tại Mục 8, Quy định này). Khoản hỗ trợ đãi ngộ được chi trả cùng kỳ lương hằng tháng, không dùng làm căn cứ để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, phụ cấp khác theo quy định của pháp luật.

5. Thời gian không tính hưởng hỗ trợ đãi ngộ gồm: Thời gian nghỉ chế độ thai sản; nghỉ việc riêng không hưởng lương; thời gian đi học liên tục, nghỉ ốm, bị tạm đình chỉ công tác từ 01 tháng trở lên.

6. Đối với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo văn bằng 2, đào tạo sau đại học theo chính sách hỗ trợ của tỉnh đang trong thời gian đào tạo hoặc đang trong thời gian thực hiện cam kết mà có quyết định điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái, chuyển công tác khác theo yêu cầu về công tác cán bộ tại Kế hoạch, Quyết định, Kết luận của cơ quan có thẩm quyền (không phải thuyên chuyển, điều động do nguyện vọng cá nhân) tiếp tục được hưởng hỗ trợ theo quy định (nếu đã được hưởng hỗ trợ thì không phát sinh trách nhiệm về bồi hoàn kinh phí đã được hỗ trợ trước đó), ngoài ra người được hỗ trợ phải thực hiện cam kết về thời gian công tác sau tốt nghiệp tại cơ quan được chuyển đến.

7. Không áp dụng chính sách này đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc lực lượng vũ trang; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và người làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, trừ các đối tượng là chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy định này.

8. Không phải đền bù, hoàn trả chi phí hỗ trợ đào tạo, thu hút đối với các trường hợp: do bị bệnh hiểm nghèo, bị tai nạn, rủi ro do thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng khác được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

9. Đối với chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành và các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ, chính sách quy định tại Nghị quyết này là chính sách hỗ trợ đặc thù thêm của tỉnh từ ngân sách địa phương, không thay thế quy trình tuyển dụng, tiếp nhận, ký hợp đồng, đánh giá, mức hỗ trợ, sử dụng và quản lý người có tài năng theo quy định của Chính phủ.

10. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy định này được thay đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CHÍNH SÁCH THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Thu hút về làm việc tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối Đảng, khối chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã:

a) Những người có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ theo danh mục chuyên ngành quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Đối tượng thu hút theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 2, Nghị định số 179/2024/NĐ-CP quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội (Sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng; Chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành là người Việt Nam hoặc là người nước ngoài);

c) Người có bằng đại học loại giỏi trở lên theo danh mục chuyên ngành quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các cơ sở giáo dục trong nước hoặc nước ngoài (là những cơ sở giáo dục đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận);

d) Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên theo danh mục chuyên ngành quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các cơ sở giáo dục trong nước hoặc nước ngoài (là những cơ sở giáo dục đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận) được thu hút vào lĩnh vực tôn giáo, công nghệ thông tin hoặc làm giáo viên, giảng viên tại các trường trung cấp, cao đẳng.

2. Thu hút vào làm việc trong lĩnh vực sự nghiệp Y tế (các đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh, khu vực, xã, phường; bao gồm cả cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngành y tế của tỉnh):

a) Những người có học hàm Giáo sư, Phó giáo sư;

b) Những người có trình độ: Tiến sĩ y khoa, Bác sĩ chuyên khoa II, thạc sĩ y khoa, Bác sĩ chuyên khoa I, bác sĩ nội trú;

c) Những người có trình độ: Tiến sĩ dược, Dược sĩ chuyên khoa II, Thạc sĩ chuyên ngành Dược;

d) Bác sĩ y khoa (bác sĩ đa khoa) được đào tạo hệ chính quy (Không bao gồm loại hình đào tạo cử tuyển, liên thông, đào tạo theo địa chỉ).

3. Thu hút vào lĩnh vực Giáo dục và đào tạo

a) Giảng viên, giáo viên cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh: Người tốt nghiệp đại học (hệ chính quy) loại khá trở lên; có trình độ Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I trở lên tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước hoặc nước ngoài (là những cơ sở giáo dục đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận) có chuyên ngành các môn học theo Chương trình đào tạo;

b) Người có trình độ Đại học trở lên tốt nghiệp chuyên ngành Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, tin học, công nghệ thông tin và một số chuyên ngành khác trong danh mục chuyên ngành cần thu hút của tỉnh tự nguyện về làm giáo viên tại các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, các xã biên giới của tỉnh;

c) Giáo viên cho các trường phổ thông chuyên của tỉnh gồm Trường THPT Chuyên Lào Cai, Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành: Người có trình độ đại học (hệ chính quy) loại giỏi trở lên tại Trường Đại học sư phạm Hà Nội; Tốt nghiệp đại học loại khá (hệ chính quy) tại Trường Đại học sư phạm Hà Nội hoặc loại giỏi trở lên tại các trường đại học sư phạm khác, đồng thời trước đó đã từng đạt một trong các giải: Nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi trung học phổ thông các môn văn hóa từ cấp tỉnh trở lên (môn đạt giải là chuyên ngành được đào tạo tại trường đại học sư phạm);

4. Thu hút vào làm giảng viên tại Trường Chính trị tỉnh đối với người có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư.

Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người được thu hút

1. Người được thu hút phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

a) Có bản lĩnh chính trị vững vàng; phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; lý lịch rõ ràng; có nguyện vọng cống hiến cho tỉnh; năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung;

b) Có trình độ, chuyên ngành đào tạo phù hợp với khung năng lực vị trí việc làm theo Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành và được tuyển dụng theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm; người có trình độ sau đại học phải có bằng tốt nghiệp đại học loại khá, giỏi trở lên theo yêu cầu của từng lĩnh vực, chuyên ngành, vị trí thu hút;

c) Có chứng nhận đủ sức khỏe để làm việc được cấp bởi cơ sở y tế có thẩm quyền;

d) Có cam kết làm việc tại tỉnh Lào Cai tối thiểu là 05 năm tính từ khi được tuyển dụng, tiếp nhận, hợp đồng.

2. Đối với người được thu hút bằng hình thức tiếp nhận không quá 50 tuổi; đối với người được thu hút bằng hình thức tuyển dụng không quá 35 tuổi, riêng đối tượng thu hút vào lĩnh vực y tế không quá 40 tuổi (tại thời điểm hưởng chính sách). Không áp dụng điều kiện, tiêu chuẩn này đối với người có học hàm Giáo sư và Phó giáo sư; người có trình độ tiến sĩ còn ít nhất 10 năm công tác tính từ thời điểm hưởng chính sách.

3. Đối với Giáo viên được thu hút vào các trường phổ thông chuyên của tỉnh: Người dự tuyển phải có năng lực ngoại ngữ đạt bậc 3 theo khung 6 bậc của Việt Nam. Đối với chuyên ngành ngoại ngữ: Tốt nghiệp đại học sư phạm ngoại ngữ hoặc đại học ngoại ngữ theo đúng chuyên ngành cần tuyển, đạt loại khá trở lên và có chứng chỉ năng lực ngoại ngữ quốc tế: Đối với Tiếng Anh đạt 7.0 điểm IELTS trở lên hoặc chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương; đối với Tiếng Trung Quốc có chứng chỉ HSK 5 trở lên.

4. Người được thu hút về làm nhiệm vụ về lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số phải tốt nghiệp các trường: Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Công nghệ thuộc Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học FPT, Học viện Công nghệ Bưu chính-Viễn thông đối với xếp loại tốt nghiệp đại học khá trở lên; tốt nghiệp các ngành công nghệ thông tin thuộc các trường Đại học khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận đối với xếp loại tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên.

5. Đối với người được thu hút về công tác tại các lĩnh vực đối ngoại, ngoại giao, hợp tác quốc tế phải thuộc các vị trí việc làm: Đối ngoại và hội nhập quốc tế; biên giới, lãnh thổ quốc gia; lãnh sự; lễ tân và phiên dịch đối ngoại; luật pháp, điều ước và thỏa thuận quốc tế phải có chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 4 trở lên hoặc có chứng chỉ HSK 5 trở lên (trừ người tốt nghiệp chuyên ngành ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Trung Quốc).

Điều 5. Hình thức thu hút

1. Tiếp nhận đối với những người đang là cán bộ, công chức, viên chức ở ngoài tỉnh, tại thời điểm thực hiện thu hút.

2. Tuyển dụng vào công chức, viên chức theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng chưa phải là cán bộ, công chức, viên chức.

3. Việc thu hút chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành là người Việt Nam hoặc người nước ngoài được thực hiện theo hình thức ký hợp đồng được quy định tại Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập hoặc Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức.

Điều 6. Mức hỗ trợ thu hút

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ
I	**Thu hút về làm việc tại cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã**	

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ
1	Tiến sĩ	550 triệu đồng/người
2	Thạc sĩ (các chuyên ngành theo danh mục quy định của UBND tỉnh)	
2.1	Thạc sĩ nhóm ngành công nghệ thông tin	180 triệu đồng/người
2.2	Thạc sĩ các nhóm ngành còn lại	150 triệu đồng/người
3	Đối tượng thuộc chính sách thu hút theo khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ về công tác tại tỉnh, gồm	
3.1	Sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng	Hỗ trợ thêm 300 triệu đồng/người
3.2	Chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành là người Việt Nam hoặc người nước ngoài	Hỗ trợ thêm 500 triệu đồng/người
4	Người có trình độ đại học hệ chính quy loại giỏi trở lên tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước hoặc nước ngoài có các chuyên ngành thuộc danh mục thu hút của UBND tỉnh	100 triệu đồng/người
5	Người có trình độ đại học loại khá hệ chính quy được thu hút vào lĩnh vực Tôn giáo; Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	70 triệu đồng/người
6	Người thu hút về công tác tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường vùng biên giới về lĩnh vực đối ngoại, ngoại giao, hợp tác quốc tế	70 triệu đồng/người
II	**Lĩnh vực sự nghiệp y tế, giáo dục** công tác tại đơn vị sự nghiệp y tế và đơn vị sự nghiệp giáo dục.	
1	Giáo sư	1,5 tỷ đồng
2	Phó giáo sư	1 tỷ đồng

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ
3	Tiến sĩ y khoa, Tiến sĩ Dược, Tiến sĩ (các chuyên ngành theo danh mục của UBND)	550 triệu đồng/người
4	Bác sĩ Chuyên khoa II, Dược sĩ chuyên khoa II	200 triệu đồng/người
5	Bác sĩ nội trú	450 triệu đồng/người
6	Thạc sĩ y khoa, Thạc sĩ Dược, Bác sĩ chuyên khoa I, Thạc sĩ (các chuyên ngành theo danh mục của UBND)	150 triệu đồng/người
7	Bác sĩ y khoa (Bác sĩ đa khoa) công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập tuyến tỉnh, tốt nghiệp loại Giỏi	120 triệu đồng/người
8	Bác sĩ y khoa (Bác sĩ đa khoa) công tác tại Trung tâm Y tế khu vực	
8.1	Tốt nghiệp loại Giỏi	140 triệu đồng/người
8.2.	Tốt nghiệp loại Khá	100 triệu đồng/người
9	Bác sĩ y khoa (Bác sĩ đa khoa) công tác tại Trạm Y tế xã, phường	
9.1	Tốt nghiệp loại Giỏi	160 triệu đồng/người
9.2	Tốt nghiệp loại Khá	120 triệu đồng/người
9.3	Tốt nghiệp loại Trung bình; Trung bình Khá	80 triệu đồng/người
10	Người có trình độ Đại học được thu hút vào làm việc tại các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Quy định này được hỗ trợ	80 triệu đồng/người
11	Người có trình độ Đại học được thu hút vào các trường phổ thông chuyên của tỉnh được hỗ trợ	80 triệu đồng/người

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ
12	Người có trình độ Đại học trở lên các chuyên ngành Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tin học, Công nghệ thông tin và một số chuyên ngành khác trong danh mục chuyên ngành cần thu hút của tỉnh tự nguyện về làm giáo viên tại các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh, xã biên giới của tỉnh	100 triệu đồng/người
III	**Trường Chính trị tỉnh**	
1	Giáo sư	1,5 tỷ đồng
2	Phó giáo sư	1 tỷ đồng

Điều 7. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người được thu hút

1. Chấp hành sự phân công công tác của cấp có thẩm quyền.

2. Thực hiện thời gian công tác theo cam kết được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Quy định này.

3. Trong thời gian thực hiện cam kết nếu được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, điều động, bố trí công tác theo yêu cầu về công tác cán bộ không phải theo nguyện vọng cá nhân thì người được thu hút phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện thời gian cam kết còn lại tại cơ quan, đơn vị mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

4. Nếu người được thu hút tự ý bỏ việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc; chuyển công tác đến cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi của chính sách; không chấp hành sự phân công công tác trong thời gian thực hiện cam kết thì phải chịu trách nhiệm hoàn trả kinh phí thu hút đã được nhận. Người được thu hút kê khai không trung thực, cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác hoặc làm giả hồ sơ để hưởng chính sách phải chịu trách nhiệm hoàn trả kinh phí thu hút đã được nhận. Riêng Bác sĩ y khoa (Bác sĩ đa khoa) được thu hút về công tác tại các Trạm y tế xã, phường, chưa hoàn thành thời gian công tác theo cam kết mà xin chuyển hoặc điều động theo nguyện vọng cá nhân đến các bệnh viện hoặc các trung tâm y tế khu vực tuyến trên cũng phải chịu trách nhiệm hoàn trả kinh phí thu hút đã được nhận.

Mục 2
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Điều 8. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức được cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

2. Viên chức ngành giáo dục và đào tạo được cử đi đào tạo sau đại học ở trong và ngoài nước cùng ngành hoặc chuyên ngành với chuyên ngành đào tạo ở bậc đại học hoặc bậc sau đại học và phù hợp với vị trí việc làm.

3. Viên chức ngành Y được cử đi đào tạo sau đại học ở trong và ngoài nước theo các nhóm ngành, chuyên ngành hỗ trợ đào tạo, bao gồm các trình độ: tiến sĩ, chuyên khoa II, chuyên khoa I, thạc sĩ, bác sĩ nội trú.

4. Viên chức Trường Chính trị tỉnh được cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ ở trong nước theo quyết định của tỉnh để thực hiện các Đề án số 06-ĐA/TU ngày 30/8/2025 về xây dựng, phát triển Trường Chính trị tỉnh Lào Cai đạt chuẩn mức 2, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2026 - 2030.

5. Sinh viên đại học y khoa chính quy của các cơ sở giáo dục đại học công lập đào tạo chuyên ngành y khoa; sinh viên đã tốt nghiệp đại học y khoa trúng tuyển đào tạo Bác sĩ nội trú đăng ký về tỉnh công tác sau khi tốt nghiệp được hỗ trợ đào tạo theo hình thức hợp đồng thỏa thuận.

6. Học sinh các Trường Phổ thông Dân tộc nội trú, Trường Trung học phổ thông, Trường Phổ thông nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông ở các vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới trên địa bàn tỉnh Lào Cai đi đào tạo Đại học sư phạm chuyên ngành sư phạm tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, Mỹ thuật, Âm nhạc; đại học nhóm ngành công nghệ thông tin đăng ký về tỉnh Lào Cai công tác sau khi tốt nghiệp để tạo nguồn giáo viên và tạo nguồn công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin, chuyển đổi số.

7. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Đại biểu HĐND cấp xã không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cử tham gia các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ khác; quần chúng ưu tú ở thôn, tổ dân phố tham gia bồi dưỡng đối tượng Đảng, đảng viên mới; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thuộc các chức danh theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh khi được triệu tập tham gia các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Giáo viên tham gia đào tạo đại học sư phạm tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, Mỹ thuật, Âm nhạc (văn bằng 2 hệ chính quy hoặc vừa làm vừa học) đáp ứng nhu cầu của ngành Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh.

9. Công chức, viên chức có trình độ chuyên môn đại học khác được cấp có thẩm quyền giao chuyên trách hoặc bằng văn bản làm nhiệm vụ về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, quản trị dữ liệu, điều hành số tham gia đào tạo (văn bằng 2 hệ chính quy hoặc vừa làm vừa học) về các nhóm ngành công nghệ thông tin, khoa học máy tính, chuyển đổi số, bảo mật và hạ tầng kỹ thuật.

10. Viên chức trong đơn vị sự nghiệp, người làm việc trong các doanh nghiệp (có tổ chức Đảng thuộc sự quản lý của Tỉnh ủy Lào Cai) được cử đi đào tạo trung cấp lý luận chính trị.

11. Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp đang công tác tại các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng tiêu chí về chứng chỉ kỹ năng nghề theo quy định hoặc theo yêu cầu nâng cao trình độ giáo viên, giảng viên của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Điều 9. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học, hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học

a) Đối với cán bộ, công chức: Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ Quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức; có chuyên ngành đào tạo cùng ngành (hoặc chuyên ngành) đào tạo ở bậc đại học hoặc bậc sau đại học; chuyên ngành đăng ký đào tạo sau đại học được quy định tại danh mục chuyên ngành hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đối với viên chức: Phải có kết quả đánh giá năm trước liền kề thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (không bao gồm viên chức được tuyển dụng mới có thời gian công tác dưới 1 năm) và đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; có chuyên ngành đào tạo cùng ngành (hoặc chuyên ngành) đào tạo ở bậc đại học hoặc bậc sau đại học; chuyên ngành đăng ký đào tạo sau đại học được quy định tại danh mục chuyên ngành hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng của Ủy ban nhân dân tỉnh; đối với viên chức được cử đi đào tạo thạc sĩ, chuyên khoa I phải có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên.

2. Giáo viên được chọn cử đi đào tạo văn bằng 2, chuyên ngành tiếng Anh đảm bảo điều kiện: Giáo viên phổ thông (Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông) có trình độ chuyên môn đạt chuẩn theo quy định được cơ quan có thẩm quyền chọn cử đi đào tạo đại học sư phạm tiếng Anh (văn bằng 2) nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy các môn khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh.

3. Giáo viên được chọn cử đi đào tạo văn bằng 2, chuyên ngành tiếng Trung Quốc: Giáo viên Mầm non, Tiểu học có trình độ chuyên môn đạt chuẩn theo quy định được cơ quan có thẩm quyền chọn cử đi đào tạo đại học sư phạm tiếng Trung Quốc (văn bằng 2) nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng cơ hội học tập tiếng Trung Quốc cho học sinh tại các trường biên giới; thí điểm cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Trung Quốc.

4. Giáo viên Tiểu học do sắp xếp trường lớp, thuộc đối tượng thừa cơ cấu, có nguyện vọng thay đổi chuyên môn nghiệp vụ, đăng ký đi đào tạo (văn bằng 2) chuyên ngành Âm nhạc, Mỹ Thuật.

5. Đối với Bác sĩ nội trú:

a) Trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận trong thời gian đang học bác sĩ nội trú được tạo điều kiện tiếp tục tham gia khóa đào tạo và cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo phải thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị y tế công lập của tỉnh Lào Cai trong thời gian ít nhất 02 lần thời gian đào tạo bác sĩ nội trú;

b) Sinh viên trúng tuyển hoặc đang học bác sĩ nội trú đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh phải cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo phải về làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Kể từ ngày được tuyển dụng phải thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị y tế công lập của tỉnh Lào Cai theo sự phân công, điều động của cấp có thẩm quyền trong thời gian ít nhất 02 lần thời gian đào tạo.

6. Viên chức được hưởng hỗ trợ tại khoản 4, Điều 8 thì không được hưởng hỗ trợ quy định tại khoản 2, Điều 8 Quy định này.

7. Sinh viên sư phạm, y khoa đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh phải có cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trở về phục vụ công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh Lào Cai trong thời gian ít nhất 02 lần thời gian đào tạo.

8. Sinh viên công nghệ thông tin đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh phải có cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trở về phục vụ công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh Lào Cai trong thời gian ít nhất 02 lần thời gian đào tạo.

9. Đối tượng được quy định tại khoản 6 Điều 8 Quy định này không bao gồm đối tượng cử tuyển và đối tượng được hưởng hỗ trợ sinh hoạt phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

10. Công chức, viên chức quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 8 Quy định này phải cam kết sau khi hoàn thành khóa đào tạo trở về công tác tại cơ quan, đơn vị đã cử đi đào tạo, tiếp tục đảm nhiệm vị trí việc làm đã được giao trước khi đi đào tạo và thực hiện thời gian công tác tối thiểu 02 lần thời gian đào tạo.

11. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh mà không hoàn thành chương trình, nội dung khóa học; không được công nhận kết quả học tập; không thực hiện đúng nội dung cam kết sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và phải đền bù chi phí đào tạo theo cam kết.

12. Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập, được cử đi đào tạo trung cấp lý luận chính trị phải đủ tiêu chuẩn, điều kiện đào tạo theo Quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của Tỉnh ủy Lào Cai.

Điều 10. Mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức

STT	Đối tượng/nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Mức hỗ trợ/người	
		Đối với cán bộ, công chức, viên chức	Đối với cán bộ, công chức, viên chức là nữ hoặc người dân tộc thiểu số
I	Mức hỗ trợ đào tạo sau đại học ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức		
1	Tiến sĩ	1 tỷ đồng	1,1 tỷ đồng
2	Thạc sĩ	500 triệu đồng	550 triệu đồng
3	Đối với cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo có học bổng một phần	50% mức hỗ trợ từng trình độ theo mục 1, mục 2 phần I biểu này	
4	Đối với cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo có học bổng toàn phần	Không hưởng hỗ trợ theo mức đào tạo ở nước ngoài	
II	Mức hỗ trợ đào tạo sau đại học ở trong nước đối với viên chức		
1	Tiến sĩ (đối với Trường Chính trị tỉnh)	300 triệu đồng	330 triệu đồng
2	Tiến sĩ	200 triệu đồng	220 triệu đồng
3	Thạc sĩ	50 triệu đồng	55 triệu đồng
4	Chuyên khoa II	110 triệu đồng	120 triệu đồng
5	Thạc sĩ lĩnh vực y tế, Chuyên khoa I	80 triệu đồng	85 triệu đồng
6	Bác sĩ nội trú	200 triệu đồng	210 triệu đồng
III	Giáo viên đào tạo văn bằng 2 sư phạm tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, Mỹ thuật, Âm nhạc	100% học phí theo quy định của cơ sở đào tạo, tối đa 60 triệu đồng/người/khóa học	

STT	Đối tượng/nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Mức hỗ trợ/người	
		Đối với cán bộ, công chức, viên chức	Đối với cán bộ, công chức, viên chức là nữ hoặc người dân tộc thiểu số
IV	Công chức, viên chức đi học văn bằng 2 nhóm ngành công nghệ thông tin, khoa học máy tính, chuyển đổi số, bảo mật và hạ tầng kỹ thuật	100% học phí theo quy định của cơ sở đào tạo	
V	Viên chức trong đơn vị sự nghiệp được cử đi đào tạo trung cấp lý luận chính trị	100% học phí theo quy định của cơ quan có thẩm quyền thông qua việc cấp kinh phí đào tạo cho Trường Chính trị tỉnh	
VI	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	Theo mức thu thực tế của cơ sở đào tạo nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/người/khóa học	

2. Đối với học sinh, sinh viên

STT	Đối tượng/nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Mức hỗ trợ/người
I	Sinh viên trúng tuyển hoặc đang đào tạo Bác sĩ nội trú cam kết về tỉnh	350 triệu đồng/người
II	Hỗ trợ học phí và sinh hoạt phí hàng tháng đối với sinh viên cam kết về tỉnh công tác sau đào tạo (Đại học Sư phạm, Công nghệ thông tin, Y khoa)	
1	Hỗ trợ học phí đối với sinh viên ngành y khoa và công nghệ thông tin	100% học phí theo quy định của cơ sở đào tạo
2	Hỗ trợ sinh hoạt phí hàng tháng	
2.1	Năm thứ nhất	3 triệu đồng/người/tháng

STT	Đối tượng/nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Mức hỗ trợ/người
2.2	Từ năm thứ hai	
a	Học lực xuất sắc	4,5 triệu đồng/người/tháng
b	Học lực giỏi	4 triệu đồng/người/tháng
c	Học lực khá	3,8 triệu đồng/người/tháng
d	Học lực trung bình khá/trung bình	3,6 triệu đồng/người/tháng
3	Thời gian hỗ trợ: tối đa 10 tháng/năm học. Số năm hỗ trợ tối đa (tính từ thời điểm trúng tuyển đại học) đối với sinh viên đại học y khoa: 06 năm (tương đương 60 tháng); đối với sinh viên đại học công nghệ thông tin: 05 năm (tương đương 50 tháng); đối với sinh viên đại học sư phạm 04 năm (tương đương 40 tháng). Thời điểm hưởng hỗ trợ tính từ đầu năm học khi ký cam kết về tỉnh công tác. Đối với các trường hợp có thông báo của cơ sở đào tạo về kết quả học tập kém hoặc kỳ học gần nhất không có bảng điểm do còn nợ môn sẽ tạm dừng hỗ trợ cho đến khi cải thiện kết quả học tập hoặc được cơ sở đào tạo công nhận kết quả học tập	

3. Các đối tượng khác

STT	Đối tượng/nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Mức hỗ trợ/người
I	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, Đại biểu HĐND cấp xã không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cử tham gia các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ khác; quần chúng ưu tú ở thôn, tổ dân phố tham gia bồi dưỡng đối tượng Đảng, đảng viên mới; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thuộc các chức danh theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh khi được triệu tập tham gia các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	

1	Hỗ trợ tiền ăn	80.000 đồng/người/ngày
2	Hỗ trợ tiền nghỉ (nếu cơ sở đào tạo không bố trí được chỗ nghỉ)	150.000 đồng/người/ngày (đối với vùng núi từ 10km trở lên, đối với vùng đồng bằng từ 15km trở lên)
3	Hỗ trợ tiền đi lại	01 lượt đi, về theo giá thực tế
II	Người làm việc trong các doanh nghiệp có tổ chức Đảng thuộc sự quản lý của Tỉnh ủy Lào Cai được cử đi đào tạo trung cấp lý luận chính trị	100% học phí theo quy định của cơ quan có thẩm quyền thông qua việc cấp kinh phí đào tạo cho Trường Chính trị tỉnh

Điều 11. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

1. Chấp hành tốt nội quy, quy chế và chịu sự quản lý của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tham gia khóa học và phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ học tập.

2. Sau khi kết thúc khóa học, phải báo cáo kết quả học tập với cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng, quản lý đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ để quản lý, theo dõi; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ đã cam kết; chấp hành sự phân công, bố trí công tác của cấp có thẩm quyền và của cơ quan, đơn vị.

3. Cán bộ, công chức, viên chức đi học theo chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh mà không hoàn thành chương trình, nội dung khóa học; không được công nhận kết quả học tập; không thực hiện đúng nội dung cam kết sẽ bị xem xét xử lý theo quy định pháp luật đối với Cán bộ, công chức, viên chức và phải hoàn trả chi phí đào tạo theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng công chức; đối với viên chức phải đền bù số tiền gấp 03 lần chi phí hỗ trợ đào tạo đã được hưởng.

4. Sinh viên được hỗ trợ đào tạo theo hình thức hợp đồng thỏa thuận phải đền bù chi phí đào tạo như sau:

a) Phải hoàn trả 100% chi phí hỗ trợ đào tạo đã được hưởng (bao gồm học phí và tiền sinh hoạt phí) khi thuộc một trong các trường hợp: Tự ý bỏ học hoặc bị cho thôi học trong thời gian đào tạo; Đã hoàn thành chương trình đào tạo nhưng không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp;

b) Phải đền bù số tiền gấp 03 lần chi phí hỗ trợ đào tạo đã được hưởng (bao gồm học phí và tiền sinh hoạt phí) khi thuộc một trong các trường hợp: Đã hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp văn bằng tốt nghiệp nhưng không đăng ký tham gia tuyển dụng hoặc đăng ký nhưng không tham gia 02 kỳ tuyển dụng gần nhất của tỉnh Lào Cai; được tuyển dụng nhưng tự ý thôi việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết quy định tại khoản 7, 8 Điều 9 Quy định này;

c) Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đền bù chi phí đào tạo của cơ quan có thẩm quyền, đối tượng phải nộp trả kinh phí đầy đủ. Nếu không hoàn trả đầy đủ thì bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Học sinh, sinh viên được cử đi đào tạo, đi học theo chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh mà không hoàn thành chương trình, nội dung khóa học; không được công nhận kết quả học tập; không thực hiện đúng nội dung cam kết sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật và phải đền bù chi phí đào tạo theo hợp đồng hỗ trợ đào tạo. Trường hợp phải kéo dài thời gian đào tạo so với quy định do nguyên nhân chủ quan của sinh viên thì sinh viên phải tự túc kinh phí đào tạo trong thời gian đào tạo kéo dài đó.

6. Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, thi cấp chứng chỉ kỹ năng nghề không hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng, không được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề; không thực hiện đúng các nội dung cam kết sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật và phải hoàn trả chi phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

Mục 3

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC SINH, SINH VIÊN HỌC NGHỀ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 12. Đối tượng áp dụng

Người lao động, học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh tốt nghiệp trung học nghề hoặc tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương có nhu cầu học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

Điều 13. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Người học thuộc đối tượng quy định tại Điều 12 Quy định này được hưởng chính sách hỗ trợ học phí khi tham gia học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

2. Kinh phí hỗ trợ được cấp cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh để thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với người học theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

3. Người học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp thuộc diện hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được hưởng chính sách hỗ trợ: người học các ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Bộ Giáo dục và đào tạo thì được hỗ trợ bổ sung tại Quy định này bảo đảm bằng mức thu học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhưng không vượt quá mức trần học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của Chính phủ; người học các ngành nghề còn lại thuộc diện miễn, giảm học phí cao hơn mức hỗ trợ tại Quy định này thì không hưởng chính sách hỗ trợ học phí tại Quy định này.

4. Người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoặc người học thuộc đối tượng được hỗ trợ học nghề theo quy định tại Nghị quyết này đồng thời thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm, khi tham gia học nghề trình độ sơ cấp hoặc đào tạo dưới 03 tháng thì chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ có mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 14. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ

Đối tượng quy định tại Điều 12 quy định này phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Có đăng ký thường trú tại tỉnh Lào Cai từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đăng ký học nghề.

2. Tham gia học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp hoặc đào tạo dưới 03 tháng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 15. Mức hỗ trợ

STT	Trình độ đào tạo/Ngành nghề đào tạo	Mức hỗ trợ/Thời gian hỗ trợ
1	Trình độ Trung cấp, Cao đẳng	
1.1	Người học các ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đã được giảm 70% học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	Hỗ trợ 30% mức thu học phí theo chuyên ngành đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh nhưng không vượt quá mức trần học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của Chính phủ. Thời gian hỗ trợ bằng số tháng thực tế học chương trình giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá 20 tháng/khóa học trình độ trung cấp; tối đa không quá 30 tháng/khóa học trình độ Cao đẳng

STT	Trình độ đào tạo/Ngành nghề đào tạo	Mức hỗ trợ/Thời gian hỗ trợ
1.2	Người học các ngành nghề còn lại không thuộc diện miễn, giảm học phí hoặc miễn, giảm học phí thấp hơn mức quy định tại Quy định này	Hỗ trợ 50% mức thu học phí theo chuyên ngành đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh và không vượt quá 50% mức trần học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của Chính phủ. Thời gian hỗ trợ bằng số tháng thực tế học chương trình giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá 20 tháng/khóa học trình độ trung cấp; tối đa không quá 30 tháng/khóa học trình độ Cao đẳng
2	Trình độ Sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng	Hỗ trợ 50% mức học phí của một khóa đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhưng không vượt quá 50% mức hỗ trợ đào tạo trình độ Sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động ở khu vực nông thôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP của Chính phủ

Điều 16. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người được hỗ trợ đào tạo

1. Chấp hành tốt nội quy, quy chế và chịu sự quản lý của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian tham gia khóa học và phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ học tập, được cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp văn bằng, chứng chỉ.

2. Người lao động chưa có việc làm sau khi hoàn thành khóa học có trách nhiệm chủ động tìm kiếm việc làm, tham gia thị trường lao động; phối hợp cung cấp thông tin về tình trạng việc làm sau đào tạo khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu để phục vụ công tác theo dõi, đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách.

3. Tham gia đầy đủ thời gian đào tạo của khóa đào tạo nghề và được hỗ trợ theo thời gian tham gia học tập thực tế; thời gian không tiếp tục tham gia khóa học không được tính để hưởng chính sách hỗ trợ.

Mục 4

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH VÀ TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP XÃ

Điều 17. Đối tượng áp dụng

1. Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai, bao gồm cả công chức, viên chức của các sở, ban, ngành được cấp có thẩm quyền cử thực hiện nhiệm vụ chính thức tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

2. Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, bao gồm công chức, viên chức của các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được cấp có thẩm quyền cử thực hiện nhiệm vụ chính thức tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.

Điều 18. Điều kiện và thời gian hưởng hỗ trợ, đãi ngộ

1. Công chức, viên chức thuộc đối tượng quy định tại Điều 17 Quy định này có quyết định phân công làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công của cơ quan có thẩm quyền; kết quả đánh giá của năm trước liền kề hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Không áp dụng đối với trường hợp được phân công kiêm nhiệm, luân phiên hoặc thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên tại Trung tâm. Đối với trường hợp tuyển dụng mới, chưa từng công tác trong cơ quan nhà nước không yêu cầu kết quả đánh giá của năm trước liền kề.

2. Thời gian hưởng hỗ trợ: Trong thời gian công chức, viên chức được phân công làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.

Điều 19. Mức hỗ trợ, đãi ngộ và phương thức chi trả

1. Hỗ trợ trang bị quần áo đồng phục và đãi ngộ hàng tháng

STT	Đối tượng/nội dung	Mức hỗ trợ
1	Hỗ trợ về đồng phục	Mỗi năm 02 bộ Xuân - Hè và 01 bộ Thu - Đông; mức tối đa 4 triệu đồng/người/năm. Đối với những đơn vị có quy định trang phục riêng thì thực hiện theo quy định của ngành
2	Đãi ngộ hàng tháng	
2.1	Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	2 triệu đồng/người/tháng
2.2	Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	1 triệu đồng/người/tháng

2. Phương thức chi trả

Chế độ hỗ trợ quy định tại Điều này được chi trả hằng tháng cùng thời điểm chi trả tiền lương.

Mục 5

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TĂNG CƯỜNG, BIỆT PHÁI, LUÂN CHUYỂN

Điều 20. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh khi được cấp có thẩm quyền tăng cường, biệt phái, luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị cấp xã theo kế hoạch của Tỉnh ủy, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được cấp có thẩm quyền biệt phái, luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo kế hoạch của Tỉnh ủy, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được cấp có thẩm quyền biệt phái, luân chuyển đến làm việc giữa các xã, phường trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch của Tỉnh ủy, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 21. Điều kiện được hưởng chính sách

Đối tượng quy định tại Điều 20 được hưởng chính sách này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định tăng cường, biệt phái, luân chuyển.

2. Khoảng cách từ nơi thường trú đến trụ sở cơ quan công tác mới từ 20 km trở lên. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi tăng cường, biệt phái, luân chuyển đến có trách nhiệm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định khoảng cách này.

Điều 22. Các chính sách hỗ trợ biệt phái, luân chuyển, tăng cường

STT	Đối tượng/nội dung	Mức hỗ trợ
I	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức tăng cường, biệt phái, luân chuyển mà cơ quan, địa phương nơi chuyển đến chưa có hoặc không bố trí được nhà ở công vụ thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở hằng tháng cho đến khi cán bộ được bố trí nhà ở công vụ	
1	Tăng cường, biệt phái, luân chuyển đến các cơ quan, đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn phường	1,9 triệu đồng/người/tháng

STT	Đối tượng/nội dung	Mức hỗ trợ
2	Tăng cường, biệt phái, luân chuyển đến các cơ quan, đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn xã	800.000 đồng/người/tháng
3	Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được tăng cường, luân chuyển, biệt phái đến cơ quan công tác mới, nhưng đã có nhà ở của gia đình tại địa phương được tăng cường, luân chuyển, biệt phái đến thì không được hưởng chính sách hỗ trợ thuê nhà ở	
II	Hỗ trợ tiền đi lại cán bộ, công chức, viên chức tăng cường, biệt phái, luân chuyển được hỗ trợ tiền đi lại hằng tháng theo khoảng cách thực tế từ nơi thường trú đến trụ sở cơ quan công tác, trừ trường hợp có xe đưa đón	
1	Từ 20 km đến dưới 50 km	800.000 đồng/người/tháng
2	Từ 50km đến dưới 100 km	1.200.000 đồng/người/tháng
3	Từ 100 km trở lên	1.600.000 đồng/người/tháng
III	Hỗ trợ sinh hoạt phí hàng tháng	
1	Tăng cường, biệt phái, luân chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định của cấp có thẩm quyền	Bằng mức tiền phụ cấp khu vực của nơi được tăng cường, biệt phái, luân chuyển đến
2	Cán bộ, công chức, viên chức nữ tăng cường, biệt phái, luân chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định của cấp có thẩm quyền	Được hỗ trợ thêm 50% mức hỗ trợ sinh hoạt phí tại mục 1, phần III biểu này.

Điều 23. Thời gian được và không được tính hưởng các chính sách hỗ trợ

1. Thời gian được tính hưởng các chính sách hỗ trợ

a) Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng các chính sách hỗ trợ kể từ ngày có quyết định tăng cường, biệt phái, luân chuyển cho đến hết thời hạn biệt phái, luân chuyển;

b) Cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, biệt phái, tăng cường trước ngày chính sách này có hiệu lực và hiện vẫn đang công tác tại cơ quan, địa phương được tăng cường, luân chuyển, biệt phái đến thì được hưởng chính sách hỗ trợ kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến khi hết thời hạn tăng cường, biệt phái, luân chuyển hoặc hưởng đến thời gian thực tế đối với trường hợp thời gian công tác ngắn hơn thời hạn ghi trong quyết định.

2. Thời gian không được tính hưởng các chính sách hỗ trợ

Các đối tượng được quy định tại Điều 20, Quy định này không được hưởng các chính sách hỗ trợ khi thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 5 Điều 2 Quy định này.

Mục 6
CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ CÔNG LẬP

Điều 24. Đối tượng áp dụng

1. Viên chức có trình độ Tiến sĩ y khoa, Bác sĩ chuyên khoa cấp II các chuyên ngành lâm sàng, cận lâm sàng, y học dự phòng; Bác sĩ nội trú làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tuyến tỉnh, khu vực, xã, phường (sau đây gọi chung là Nhóm 1).

2. Viên chức có trình độ Bác sĩ công tác tại Phòng khám đa khoa khu vực, Trạm Y tế (sau đây gọi chung là Nhóm 2).

Điều 25. Điều kiện hưởng chính sách

Viên chức ngành y tế hưởng chính sách đãi ngộ hằng tháng phải có đủ các điều kiện sau:

1. Viên chức y tế khối lâm sàng, cận lâm sàng tại các đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh, khu vực, xã, phường có bằng chuyên khoa lâm sàng, cận lâm sàng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo phân công nhiệm vụ; Viên chức khối y học dự phòng có bằng chuyên môn sau đại học phù hợp với vị trí việc làm, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; Viên chức làm việc tại phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế có bằng tốt nghiệp Bác sĩ trở lên.

2. Được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bình xét, đề xuất, đánh giá kết quả năm trước liền kề xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Đối với trường hợp tuyển dụng mới, chưa từng công tác trong cơ quan nhà nước, trong năm đầu tiên không yêu cầu kết quả đánh giá của năm trước liền kề.

3. Không trong thời gian bị kỷ luật; trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể về việc tạm dừng chế độ trong thời gian xem xét, xử lý; tạm đình chỉ công tác hoặc nghỉ không hưởng lương từ 01 tháng trở lên.

Điều 26. Mức hỗ trợ đãi ngộ

Đối tượng	Vị trí 1: Làm nhiệm vụ tại các khoa: Tâm thần, Lao, Truyền nhiễm, Hồi sức cấp cứu, Hồi sức tích cực, Ung bướu, Giải phẫu bệnh	Vị trí 2: Làm nhiệm vụ tại các khoa: Gây mê hồi sức, Chẩn đoán hình ảnh, Nội khoa, Ngoại khoa, Sản khoa, Nhi khoa	Vị trí 3: Làm nhiệm vụ tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng khác (ngoài vị trí 1, vị trí 2) của các bệnh viện, Trung tâm Y tế khu vực; các khoa, phòng chuyên môn của các Trung tâm tuyến tỉnh, khu vực, xã, phường
Nhóm 1 theo Điều 24 Quy định này	4 triệu đồng/người/tháng	3,5 triệu đồng/người/tháng	3 triệu đồng/người/tháng
Nhóm 2 theo Điều 24 Quy định này	2 triệu đồng/người/tháng		

Mục 7

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC THU HÚT THEO CHÍNH SÁCH THU HÚT CỦA TỈNH

Điều 27. Đối tượng áp dụng

Người được thu hút theo chính sách thu hút của tỉnh theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 3 Quy định này (không bao gồm đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 và đối tượng thu hút vào lĩnh vực giáo dục được quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 3 Quy định này).

Điều 28. Điều kiện hưởng chính sách

Đối tượng được quy định tại Điều 27, Quy định này đủ điều kiện hưởng chính sách đãi ngộ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

1. Được tuyển dụng theo chính sách thu hút của tỉnh và có quyết định tuyển dụng, tiếp nhận hoặc hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đang công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh.

3. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo vị trí việc làm. Được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bình xét, đề xuất, đánh giá kết quả năm trước liền kề xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Đối với trường hợp tuyển dụng mới, chưa từng công tác trong cơ quan nhà nước, trong năm đầu tiên không yêu cầu kết quả đánh giá của năm trước liền kề.

Điều 29. Mức hỗ trợ, thời gian hưởng chính sách, quy định hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ, thời gian hưởng chính sách

STT	Đối tượng/nội dung	Mức hỗ trợ/Thời gian hưởng chính sách
1	Người có học hàm Giáo sư, Phó giáo sư; người có trình độ tiến sĩ được thu hút theo chính sách thu hút của tỉnh quy định tại Điều 27 Quy định này (không bao gồm đối tượng được thu hút vào lĩnh vực công nghệ thông tin tại điểm d khoản 1 Điều 3 Quy định).	5 triệu đồng/người/tháng
2	Chính sách hỗ trợ nhà ở	
2.1	Người thu hút từ ngoài tỉnh hoặc từ nước ngoài về tỉnh mà chưa có chỗ ở được ưu tiên bố trí nhà công vụ (nếu có)	
2.2	Người thu hút từ ngoài tỉnh hoặc từ nước ngoài về tỉnh mà chưa có chỗ ở, không bố trí được nhà ở công vụ	1,9 triệu đồng/người/tháng tiền thuê nhà
3	Hỗ trợ tiền đi lại theo khoảng cách thực tế từ nơi thường trú đến trụ sở cơ quan công tác, trừ trường hợp có xe đưa đón	
3.1	Dưới 100 km	4 triệu đồng/người/năm
3.2	Từ 100 km trở lên	6 triệu đồng/người/năm
4	Thời gian hưởng chính sách	05 năm, kể từ ngày được tuyển dụng, tiếp nhận, hợp đồng.

2. Khoản hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này không dùng làm căn cứ để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (đối với viên chức) và không dùng để tính các chế độ, phụ cấp khác theo quy định của pháp luật.

3. Đối tượng đã được thu hút theo chính sách thu hút của tỉnh trước ngày nghị quyết này có hiệu lực và đang công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Mục này kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Điều 30. Chính sách ưu tiên và chính sách thôi áp dụng hỗ trợ đối với người được thu hút

1. Được ưu tiên, tạo điều kiện cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước và kiến thức chuyên ngành đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý, tiêu chuẩn ngạch công chức hoặc chức danh nghề nghiệp viên chức. Trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, được giữ nguyên các chế độ, chính sách và được thanh toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

2. Được ưu tiên xem xét xếp ngạch công chức hoặc thay đổi bậc nghề nghiệp cao hơn đối với viên chức theo quy định của pháp luật.

3. Đối với người có học hàm Giáo sư, Phó giáo sư, người có trình độ tiến sĩ và người Việt Nam ở nước ngoài về công tác tại tỉnh thì được tạo điều kiện, hỗ trợ thực hiện các thủ tục tìm kiếm việc làm cho thân nhân và tuyển sinh, học tập tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đối với cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi hợp pháp dưới 18 tuổi.

4. Thôi áp dụng hỗ trợ đối với người được thu hút nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Theo nguyện vọng của người được thu hút;

b) Cấp có thẩm quyền đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm đối với người được thu hút;

c) Có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Kết thúc hợp đồng làm việc đối với trường hợp thu hút theo hình thức ký kết hợp đồng làm việc.

Mục 8

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN BAN NGHIÊN CỨU, TƯ VẤN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH CHO BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LÀO CAI

Điều 31. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền điều động, phân công, bố trí làm thành viên Ban nghiên cứu, tư vấn cơ chế, chính sách cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai (sau đây gọi chung là Ban nghiên cứu), thuộc nhóm 1 quy định tại mục 1, phần III Đề án số 10-ĐA/TU ngày 10/7/2026 của Tỉnh ủy Lào Cai.

Điều 32. Điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ

1. Chấp hành nghiêm Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban nghiên cứu; Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ được phân công; có sản phẩm nghiên cứu, tham mưu theo nhiệm vụ được giao hoặc có đóng góp thực chất vào sản phẩm chung của Ban nghiên cứu, được Trưởng Ban xác nhận trên cơ sở kết quả thẩm định, đánh giá của tập thể lãnh đạo Ban và các nhóm chuyên đề.

2. Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong kỳ đánh giá hàng quý.

Điều 33. Chế độ, chính sách đối với thành viên Ban nghiên cứu

STT	Đối tượng	Chính sách hỗ trợ/ Mức hỗ trợ
1	Chế độ bảo lưu phụ cấp chức vụ	Các thành viên giữ chức vụ, chức danh trước khi được điều động, phân công, bố trí về Ban nghiên cứu hưởng chế độ bảo lưu phụ cấp chức vụ, chức danh theo quy định hiện hành.
2	Chính sách hỗ trợ hàng tháng đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên Ban nghiên cứu	3,5 triệu đồng/người/tháng

Điều 34. Thời gian và phương thức hỗ trợ

1. Khoản hỗ trợ được chi trả vào tháng cuối mỗi quý, sau khi có kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức là thành viên thuộc Ban nghiên cứu.

2. Mức hỗ trợ được tính theo số tháng làm việc thực tế của cán bộ, công chức, viên chức được điều động, phân công, bố trí làm thành viên của Ban nghiên cứu trong quý đánh giá.

3. Tạm dừng hỗ trợ trong thời gian vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật, có quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ tại Ban nghiên cứu hoặc thời gian không thực tế làm việc theo quy định; có đơn đề nghị không hưởng hoặc không tiếp tục hưởng chính sách hỗ trợ.

4. Chấm dứt hỗ trợ kể từ tháng tiếp theo tính từ ngày có hiệu lực của quyết định cho thôi tham gia Ban nghiên cứu, điều động hoặc bố trí công tác khác, nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc Ban nghiên cứu kết thúc hoạt động.

Mục 9
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ BỒI DƯỠNG TẠI NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 35. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hoặc thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

3. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Đề án số 11-ĐA/TU ngày 17/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học công nghệ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; cán bộ chiến lược của tỉnh Lào Cai đến năm 2030, định hướng đến năm 2040.

Điều 36. Điều kiện hưởng chính sách

1. Đối tượng được quy định tại Điều 35 phải được Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí cử tham gia các chương trình bồi dưỡng tại nước ngoài do tỉnh Lào Cai hoặc cơ quan có thẩm quyền của tỉnh tổ chức, phối hợp tổ chức.

2. 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm cử đi học được đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; chấp hành nghiêm chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

4. Có chuyên môn, nghiệp vụ đang trực tiếp tham mưu, thực hiện hoặc chức danh lãnh đạo, quản lý phù hợp với nội dung, mục tiêu của chương trình bồi dưỡng.

5. Có đủ sức khỏe để tham gia chương trình học tập, công tác ở nước ngoài.

6. Không trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc đang bị cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, điều tra theo quy định.

7. Có cam kết sau khi hoàn thành chương trình bồi dưỡng tiếp tục công tác tại tỉnh tối thiểu 24 tháng kể từ ngày hoàn thành chương trình.

8. Đối với cán bộ, công chức thì đáp ứng các yêu cầu, điều kiện bồi dưỡng ở nước ngoài quy định tại Điều 28 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

Điều 37. Mức hỗ trợ

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ
1	Học phí, chi phí đào tạo	100% học phí, chi phí đào tạo theo thông báo hoặc hóa đơn học phí thực tế của cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc theo hợp đồng ký kết giữa tỉnh với đối tác nước ngoài
2	Hỗ trợ tiền đi lại	100% chi phí đi lại khứ hồi từ Việt Nam đến nơi học tập và ngược lại. Tiêu chuẩn hạng vé áp dụng theo từng chức danh lãnh đạo

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ
3	Hỗ trợ lệ phí Visa, hộ chiếu, thủ tục xuất nhập cảnh	Thanh toán theo mức phí thực tế phát sinh, có chứng từ, biên lai hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền
4	Hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ, tiền ăn, tiêu vặt	Thanh toán khoán theo định mức quy định cho từng quốc gia nơi đến công tác theo Thông tư 140/2025/TT-BTC. Trường hợp phía nước ngoài đài thọ ăn, ở, người đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được chi trả tiền tiêu vặt khoán ở mức 50 USD/người/ngày
5	Hỗ trợ tiền Bảo hiểm y tế	Thanh toán chi phí bảo hiểm theo hóa đơn thực tế phát sinh nhưng không vượt quá mức chi 50 USD/người/chương trình bồi dưỡng
6	Hỗ trợ tiền phương tiện đi lại tại nước sở tại	Theo hóa đơn thực tế, tối đa không quá 80 USD/người/nước đến
7	Hỗ trợ thêm cho cán bộ, công chức, viên chức là nữ	200.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 10 triệu đồng/người/chương trình bồi dưỡng

Điều 38. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người hưởng chính sách hỗ trợ bồi dưỡng

1. Chấp hành tốt nội quy, quy chế và chịu sự quản lý của nước sở tại và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tham gia chương trình bồi dưỡng và phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ học tập.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi kết thúc chương trình bồi dưỡng phải có báo cáo kết quả học tập và đề xuất nội dung vận dụng vào thực tiễn công tác với cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng, quản lý; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ để quản lý, theo dõi; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ đã cam kết; chấp hành sự phân công, bố trí công tác của cấp có thẩm quyền và của cơ quan, đơn vị.

3. Người được cử đi tham gia chương trình bồi dưỡng phải thực hiện đền bù gấp 02 lần chi phí hỗ trợ đi bồi dưỡng đã nhận từ ngân sách nếu tự ý bỏ học, không hoàn thành khóa học, không được cấp chứng chỉ (nếu có), không đạt yêu cầu do lỗi chủ quan, tự ý nghỉ việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc hoặc xin thôi việc, chuyển công tác ra ngoài tỉnh hoặc các cơ quan, đơn vị ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết.

4. Người được cử đi tham gia chương trình bồi dưỡng được miễn trừ trách nhiệm đền bù chi phí trong các trường hợp: Không thể hoàn thành khóa học hoặc thời gian cam kết công tác tại tỉnh do mắc bệnh hiểm nghèo, gặp tai nạn, rủi ro thiên tai, dịch bệnh nghiêm trọng hoặc trường hợp bất khả kháng khác được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; trường hợp được cơ quan có thẩm quyền điều động, luân chuyển công tác giữa các đơn vị trong hệ thống chính trị của tỉnh để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo yêu cầu.

Điều 39. Thời gian hỗ trợ

Thời gian bồi dưỡng ở nước ngoài quy định tại Mục này không quá 90 ngày cho một chương trình bồi dưỡng bao gồm cả thời gian đi đường, chờ đợi, cách ly (nếu có).

Chương III

KINH PHÍ VÀ ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

Điều 40. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030 từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ theo các chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo; Đã được giải ngân một phần, phần còn lại chưa giải ngân; Đã được tuyển dụng, tiếp nhận và đang thực hiện cam kết nhưng chưa nhận đủ khoản hỗ trợ thu hút; Đang trong thời gian thực hiện nghĩa vụ, cam kết theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021 - 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 135/2024/NQ-HĐND; Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021 - 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực mà chưa hoàn thành khóa học hoặc nhận bằng tốt nghiệp, chưa hưởng đủ chế độ theo quy định thì tiếp tục hưởng mức hỗ trợ và thực hiện cam kết theo quy định tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung./.